

Số: /2024/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

THÔNG TƯ
QUY ĐỊNH VỀ QUY TRÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU
QUỐC GIA VỀ ĐẤT ĐAI

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quy trình kỹ thuật xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai gồm: Cơ sở dữ liệu địa chính; cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất; cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; cơ sở dữ liệu giá đất; cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai; cơ sở dữ liệu khác liên quan đến đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan có chức năng quản lý đất đai; tổ chức đăng ký đất đai và các cơ quan khác có liên quan; công chức địa chính ở xã, phường, thị trấn.

2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin quốc gia về đất đai, cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Điều 3. Thành phần của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai

1. Cơ sở dữ liệu đất đai do cơ quan Trung ương tổ chức xây dựng gồm:

- a) Cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp vùng và cả nước;
- b) Cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia;
- c) Cơ sở dữ liệu giá đất;
- d) Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cả nước, vùng;
- đ) Cơ sở dữ liệu khác liên quan đến đất đai, bao gồm:
 - Dữ liệu về hồ sơ đất đai tại trung ương;
 - Dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất;
 - Dữ liệu thông tin về kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính;
 - Dữ liệu tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở và được giao, thuê đất tại Việt Nam;
 - Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, huỷ, mất, sai, hỏng và phôi Giấy chứng nhận;
 - Dữ liệu về các tổ chức vi phạm pháp luật về đất đai.

2. Cơ sở dữ liệu đất đai do tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức xây dựng gồm:

- a) Cơ sở dữ liệu địa chính: Dữ liệu về lập, chỉnh lý bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận), sổ địa chính và các tài liệu liên quan khác;
- b) Cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất: Dữ liệu về điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh; dữ liệu theo chuyên đề;
- c) Cơ sở dữ liệu giá đất: Dữ liệu về vùng giá trị; dữ liệu về thửa đất chuẩn; dữ liệu về bảng giá đất; dữ liệu về quyết định giá đất; dữ liệu về giá thửa đất;
- d) Cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Dữ liệu về bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bản đồ điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, báo cáo thuyết minh tổng hợp, bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp tỉnh, cấp huyện;
- đ) Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai: Dữ liệu báo cáo, biểu, bảng số liệu thống kê, kiểm kê đất đai, bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã, huyện, tỉnh; dữ liệu về quản lý sử dụng đất theo chuyên đề.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai

1. Việc xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai phải đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, khoa học, kịp thời.

2. Nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các cơ sở dữ liệu thành phần của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai phải được xây dựng đồng thời và được liên kết, tích hợp với nhau; trường hợp chưa đủ điều kiện thì ưu tiên xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính làm cơ sở để xây dựng và định vị không gian các cơ sở dữ liệu thành phần khác của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

4. Quy mô tổ chức triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai được xác định theo đơn vị hành chính cấp huyện.

Điều 6. Giá trị pháp lý của nguồn tài liệu, dữ liệu sử dụng để xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai

Nguồn tài liệu, dữ liệu sử dụng để xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai là tài liệu, dữ liệu đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ký duyệt, xác nhận theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUY TRÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI DO TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG TỔ CHỨC XÂY DỰNG

Mục 1. QUY TRÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH

Tiểu mục 1. QUY TRÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP ĐÃ THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Điều 5. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn thi công.

2. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính.

Điều 6. Thu thập tài liệu, dữ liệu

1. Tài liệu, dữ liệu thu thập cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính gồm:

a) Bản đồ địa chính mới nhất dạng số (hoặc dạng giấy đối với những khu vực không có bản đồ địa chính dạng số) và các loại tài liệu đo đạc khác đã sử dụng để cấp Giấy chứng nhận (bản đồ giải thửa, sơ đồ, trích đo địa chính).

b) Sổ mục kê, sổ địa chính, sổ cấp Giấy chứng nhận, sổ đăng ký biến động, bản lưu Giấy chứng nhận.

c) Hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất.

d) Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất.

đ) Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã (dạng số) của kỳ kiểm kê gần nhất.

e) Đơn đăng ký đã được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với trường hợp cơ quan có thẩm quyền tổ chức việc đăng ký đất đai trong thời gian xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính nhưng đã hết thời gian xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính mà chưa hoàn thành việc đăng ký đất đai.

2. Tài liệu, dữ liệu sau khi được thu thập phải được lập thành Biểu tổng hợp tài liệu thu thập để triển khai các bước tiếp theo, được lập theo Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu

1. Rà soát, đánh giá tài liệu, dữ liệu:

Nội dung rà soát, đánh giá phải xác định được thời gian xây dựng, mức độ đầy đủ thông tin, khả năng liên kết của các thửa đất liền kề trên một nền không gian, tính pháp lý của từng tài liệu, dữ liệu để lựa chọn sử dụng cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; ưu tiên lựa chọn loại tài liệu, dữ liệu có thời điểm lập mới nhất, có đầy đủ thông tin nhất, có giá trị pháp lý cao nhất.

Kết quả rà soát, đánh giá được lập thành báo cáo, trong đó phải xác định được từng loại tài liệu sử dụng để xây dựng dữ liệu không gian địa chính và xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính theo quy định sau:

a) Tài liệu để xây dựng dữ liệu không gian địa chính

Tài liệu để xây dựng dữ liệu không gian địa chính ưu tiên sử dụng bản đồ địa chính. Trường hợp khu vực chưa thành lập bản đồ địa chính thì sử dụng các loại tài liệu đo đạc khác đã dùng để cấp Giấy chứng nhận để xây dựng dữ liệu không gian địa chính và phải đánh giá độ chính xác, khả năng liên kết không gian giữa các thửa đất liền kề để có phương án xây dựng dữ liệu không gian địa chính cho phù hợp;

b) Tài liệu để xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính

Tài liệu để xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính ưu tiên sử dụng bản lưu Giấy chứng nhận và sổ địa chính. Trường hợp bản lưu Giấy chứng nhận, sổ địa chính không đầy đủ thông tin, không được cập nhật chỉnh lý biến động thường xuyên thì phải lựa chọn hồ sơ đăng ký đất đai đối với trường hợp còn thiếu để cập nhật.

Các tài liệu để cập nhật hoặc chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính gồm: hồ sơ đăng ký biến động đất đai, tài liệu giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất.

2. Phân loại các thửa đất:

Thực hiện phân loại thửa đất trên cơ sở hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất. Kết quả phân loại thửa đất được lập theo Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư này. Các thửa đất được phân loại như sau:

a) Thửa đất loại A: Là thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận chưa có tài sản gắn liền với đất;

b) Thừa đất loại B: Là thừa đất đã được cấp Giấy chứng nhận có tài sản gắn liền với đất;

c) Thừa đất loại C: Là thừa đất được cấp chung một Giấy chứng nhận;

d) Thừa đất loại D: Căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại trong nhà chung cư, nhà hỗn hợp đã được cấp Giấy chứng nhận;

đ) Thừa đất loại E: Thừa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận hoặc không được cấp Giấy chứng nhận.

3. Đối với các thửa đất chưa thực hiện đăng ký đất đai thì lập danh sách và chuyển cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

4. Đối với hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đã được thu thập phải được làm sạch, sắp xếp và đánh số thứ tự theo quy định về hồ sơ địa chính;

5. Lập biểu tổng hợp phân loại thừa đất.

Điều 8. Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền

1. Dữ liệu không gian đất đai nền được xây dựng để làm cơ sở xây dựng, định vị dữ liệu không gian địa chính, dữ liệu không gian kiểm kê đất đai, dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các dữ liệu không gian chuyên đề khác.

2. Dữ liệu không gian đất đai nền được xây dựng theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã và phải được thực hiện đồng thời với việc xây dựng dữ liệu không gian địa chính.

3. Tài liệu để xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền:

a) Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã đã có bản đồ địa chính phủ kín thì sử dụng bản đồ địa chính;

b) Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã có bản đồ địa chính nhưng chưa phủ kín thì sử dụng bản đồ địa chính đối với khu vực có bản đồ địa chính, những khu vực còn lại thì sử dụng bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã của kỳ kiểm kê gần nhất;

c) Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã chưa có bản đồ địa chính thì sử dụng bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã của kỳ kiểm kê gần nhất.

4. Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền:

a) Xử lý biên theo quy định về bản đồ đối với các tài liệu bản đồ tiếp giáp nhau;

b) Tách, lọc và chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian đất đai nền;

c) Xây dựng, bổ sung lớp tim đường đối với trường hợp trên bản đồ địa chính chưa có lớp tim đường. Lớp tim đường được xác định là đường trung tâm (center line) của đối tượng đường giao thông;

d) Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian đất đai nền từ tệp (File) bản đồ số vào cơ sở dữ liệu;

đ) Gộp các thành phần tiếp giáp nhau của cùng một đối tượng không gian đất đai nền thành một đối tượng duy nhất phù hợp với thông tin thuộc tính của đối tượng theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã.

5. Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền:

a) Xử lý tiếp biên dữ liệu không gian đất đai nền giữa các đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện liền kề;

b) Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền vào cơ sở dữ liệu đất đai để quản lý, vận hành, khai thác sử dụng.

Điều 9. Xây dựng dữ liệu không gian địa chính

1. Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian địa chính:

a) Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian địa chính với nội dung tương ứng trong bản đồ địa chính để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ địa chính;

b) Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian địa chính chưa phù hợp với quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

c) Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian địa chính theo quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian địa chính từ tệp (File) bản đồ số vào cơ sở dữ liệu theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã.

3. Gộp các thành phần tiếp giáp nhau của cùng một đối tượng không gian địa chính thành một đối tượng duy nhất phù hợp với thông tin thuộc tính của đối tượng theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã.

4. Bổ sung, chỉnh sửa các thửa đất đã thay đổi hình thể, kích thước theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, hồ sơ đăng ký biến động.

5. Bổ sung, chỉnh sửa thửa đất bị chồng lấn diện tích do đo đạc địa chính, cấp Giấy chứng nhận trên nền các bản đồ có tỷ lệ khác nhau hoặc thời điểm đo đạc khác nhau. Kết quả chỉnh sửa được lập theo Phụ lục số 03 kèm theo Thông tư này.

6. Rà soát dữ liệu không gian của từng đơn vị hành chính để xử lý các lỗi dọc biên giữa các xã tiếp giáp nhau (nếu có). Trường hợp có sự sai lệch về hình thể (do độ chính xác của các loại bản đồ địa chính khác loại tỷ lệ) cần xử lý đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan. Kết quả xử lý biên các đối tượng còn mâu thuẫn được lập theo Phụ lục số 04 kèm theo Thông tư này.

7. Đối với trường hợp bản đồ địa chính được sử dụng để xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính ở dạng giấy hoặc chưa được thành lập trong hệ tọa độ quốc gia VN-

2000 thì thực hiện việc số hóa, chuyển đổi hệ tọa độ và biên tập nội dung bản đồ số theo quy định hiện hành.

8. Đối với khu vực chưa có bản đồ địa chính thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp có bản trích đo địa chính theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 thì chuyển đổi các lớp đối tượng vào dữ liệu không gian địa chính;

b) Trường hợp có sơ đồ, bản trích đo địa chính chưa theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 hoặc bản đồ giải thửa dạng số thì chuyển đổi vào dữ liệu không gian địa chính và định vị trên dữ liệu không gian đất đai nền;

c) Trường hợp có sơ đồ, bản trích đo địa chính theo hệ tọa độ giả định hoặc bản đồ giải thửa dạng giấy thì quét và định vị trên dữ liệu không gian đất đai nền.

9. Đối với khu vực đất sản xuất nông nghiệp đang thực hiện dồn điền đổi thửa thì thực hiện định vị khu vực dồn điền đổi thửa đó trên dữ liệu không gian đất đai nền trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu hiện có. Dữ liệu không gian địa chính sẽ được cập nhật sau khi đo đạc lại bản đồ địa chính hoặc được cập nhật đồng thời với việc đăng ký biến động khi người sử dụng đất thực hiện quyền.

10. Đối với trường hợp tài liệu đo đạc địa chính mới đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, nghiệm thu xác nhận thay thế tài liệu, số liệu đo đạc đã sử dụng để đăng ký, cấp Giấy chứng nhận trước đây nhưng chưa cấp đổi Giấy chứng nhận thì thông tin về số thửa tự thửa đất, ranh giới thửa và diện tích thửa đất được xác định theo tài liệu đo đạc mới.

Điều 10. Xây dựng hồ sơ đăng ký đất đai số

1. Hồ sơ đăng ký đất đai số được xây dựng bằng cách quét (số hóa) các giấy tờ pháp lý phi cấu trúc đang được lưu trữ dưới dạng giấy, xử lý tệp tin và đưa vào cơ sở dữ liệu để quản lý.

2. Việc quét các giấy tờ pháp lý nhằm xác thực thông tin của thửa đất được nhập vào cơ sở dữ liệu. Chế độ quét của thiết bị được thiết lập theo hệ màu RGB với độ phân giải tối thiểu là 150 DPI. Các giấy tờ pháp lý quét bao gồm:

a) Đối với thửa đất, tài sản gắn liền với đất đã được cấp Giấy chứng nhận:

- Giấy chứng nhận (đang sử dụng) hoặc bản lưu Giấy chứng nhận; trang bổ sung (nếu có);

- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (lần đầu);

- Hợp đồng thuê đất đối với trường hợp thuê đất của Nhà nước;

- Chứng từ thực hiện nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

- Giấy chứng nhận cũ;

- Giấy tờ thể hiện lịch sử thửa đất: Hợp đồng chuyển nhượng; đơn xin cấp đổi, cấp lại; đơn đăng ký biến động;

- Quét trang số địa chính trong trường hợp phải nhập thông tin từ sổ địa chính.

b) Đối với thửa đất đã thực hiện đăng ký nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận hoặc không được cấp Giấy chứng nhận thì quét đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận;

c) Đối với trường hợp đã thực hiện dồn điền đổi thửa thì quét đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận, văn bản thỏa thuận về việc chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (nếu có) và biên bản giao nhận ruộng đất theo phương án dồn điền đổi thửa (nếu có).

d) Giấy tờ pháp lý và các tài liệu thực hiện quét tại điểm a, b, c khoản 1 điều này phải là bản gốc hoặc có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

3. Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được); chất lượng hình ảnh số phải sắc nét và rõ ràng, các hình ảnh được sắp xếp theo cùng một hướng, hình ảnh phải được quét vuông góc, không được cong vênh.

4. Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu, nhập thông tin vào hệ thống để quản lý.

5. Các tệp hồ sơ quét được đặt tên thống nhất theo quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và đảm bảo tính duy nhất của thửa đất.

6. Các tệp hồ sơ quét dạng của thửa đất được sắp xếp theo đơn vị hành chính cấp xã.

Điều 11. Xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính

Dữ liệu thuộc tính địa chính được xây dựng đồng thời trong quá trình xây dựng dữ liệu không gian quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Thông tư này và được tiếp tục xây dựng từ các nguồn tài liệu đã được thu thập tại Điều 6 của Thông tư này theo các bước như sau:

1. Kiểm tra tính đầy đủ thông tin của thửa đất, lựa chọn tài liệu để lấy thông tin ưu tiên theo Phụ lục số 05 kèm theo Thông tư này.

2. Lập bảng tham chiếu số tờ, số thửa và diện tích đối với các thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận theo bản đồ cũ nhưng chưa cấp đổi Giấy chứng nhận theo bản đồ địa chính mới.

3. Nhập thông tin từ tài liệu đã lựa chọn tại khoản 1 Điều này vào cơ sở dữ liệu địa chính.

4. Lập bảng thông tin chưa đồng bộ giữa dữ liệu thuộc tính địa chính và dữ liệu không gian địa chính.

Điều 12. Hoàn thiện dữ liệu địa chính

1. Thực hiện hoàn thiện 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu theo tài liệu đã thu thập.

2. Thực hiện xuất sổ địa chính điện tử theo quy định.

Điều 13. Xây dựng siêu dữ liệu địa chính

1. Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) địa chính.

2. Nhập thông tin siêu dữ liệu địa chính theo từng đơn vị hành chính cấp xã.

Điều 14. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu địa chính

1. Đơn vị thi công có trách nhiệm:

a) Chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu;

b) Tổng hợp, xác định khối lượng sản phẩm đã thực hiện theo định kỳ hàng tháng, theo công đoạn công trình và kết thúc công trình;

c) Lập biên bản bàn giao theo Phụ lục số 06 kèm theo Thông tư này.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu có trách nhiệm:

a) Thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu địa chính theo quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Làm thủ tục xác nhận sản phẩm theo định kỳ hàng tháng, theo công đoạn công trình và kết thúc công trình.

Điều 15. Đối soát, tích hợp dữ liệu vào hệ thống

Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện:

1. Đối soát thông tin của các thửa đất trong cơ sở dữ liệu đất đai với nguồn tài liệu, dữ liệu đã sử dụng để xây dựng cơ sở dữ liệu.

2. Lập danh sách các thửa đất đã được đối soát về tính pháp lý, thành phần dữ liệu, tính đồng bộ giữa các thành phần dữ liệu.

3. Thực hiện ký số vào sổ địa chính điện tử.

4. Tích hợp dữ liệu vào hệ thống đang vận hành tại địa phương theo định kỳ hàng tháng phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng.

Tiểu mục 2. QUY TRÌNH CHUYỂN ĐỔI, BỔ SUNG, HOÀN THIỆN CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH CHƯA ĐƯỢC XÂY DỰNG THEO QUY ĐỊNH CỦA THÔNG TƯ SỐ 75/2015/TT-BTNMT

Điều 16. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn thi công.

2. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chính.

Điều 17. Chuyển đổi dữ liệu địa chính

1. Lập mô hình chuyển đổi cấu trúc dữ liệu của cơ sở dữ liệu địa chính đã xây dựng sang cấu trúc dữ liệu hiện hành.

2. Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền:

a) Tách, lọc và chuyển đổi dữ liệu không gian đất đai nền từ dữ liệu không gian của cơ sở dữ liệu địa chính đã có;

b) Xây dựng, bổ sung lớp tìm đường đối với trường hợp trên bản đồ địa chính chưa có lớp tìm đường. Lớp tìm đường được xác định là đường trung tâm (center line) của đối tượng đường giao thông;

c) Đối với những khu vực chưa có cơ sở dữ liệu không gian địa chính thì tiến hành xây dựng mới dữ liệu không gian đất đai nền theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này để đảm bảo dữ liệu không gian đất đai nền được phủ kín phạm vi đơn vị hành chính cấp xã.

3. Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu không gian địa chính.

4. Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu thuộc tính địa chính.

5. Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu hồ sơ quét.

Điều 18. Bổ sung, hoàn thiện dữ liệu địa chính

1. Rà soát, bổ sung dữ liệu không gian địa chính.

2. Rà soát, bổ sung dữ liệu thuộc tính địa chính.

3. Rà soát, bổ sung hồ sơ đăng ký đất đai số, quét bổ sung giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin. Nội dung hồ sơ pháp lý cần quét bổ sung tuân thủ Điều 10 của Thông tư này.

4. Thực hiện hoàn thiện 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu đã được chuyển đổi, bổ sung.

5. Thực hiện xuất sổ địa chính điện tử đối với những thửa đất chưa có sổ địa chính điện tử theo khuôn dạng tệp tin PDF; đối với các thửa đất đã có sổ địa chính điện tử thì sử dụng sổ địa chính điện tử đã có.

Điều 19. Xây dựng siêu dữ liệu địa chính

1. Chuyển đổi siêu dữ liệu địa chính theo mô hình chuyển đổi cấu trúc dữ liệu đã lập quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư này.

2. Thu nhận các thông tin cần thiết để bổ sung thông tin cho siêu dữ liệu địa chính.

3. Nhập bổ sung thông tin cho siêu dữ liệu địa chính theo từng đơn vị hành chính cấp xã.

Điều 20. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu địa chính

1. Đơn vị thi công có trách nhiệm:

a) Chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu;

b) Tổng hợp, xác định khối lượng sản phẩm đã thực hiện theo công đoạn công trình và kết thúc công trình;

c) Lập biên bản bàn giao theo Phụ lục số 06 kèm theo Thông tư này.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu có trách nhiệm:

a) Thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu địa chính theo quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Làm thủ tục xác nhận sản phẩm theo công đoạn công trình và kết thúc công trình.

Điều 21. Đối soát dữ liệu

Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm thực hiện:

1. Đối soát thông tin của thửa đất trong cơ sở dữ liệu đã được chuyển đổi, bổ sung với nguồn tài liệu, dữ liệu đã sử dụng để xây dựng cơ sở dữ liệu đối với trường hợp phải xuất mới sổ địa chính điện tử.

2. Lập danh sách các thửa đất đã được đối soát về tính pháp lý, thành phần dữ liệu, tính đồng bộ giữa các thành phần dữ liệu.

3. Thực hiện ký số vào sổ địa chính (điện tử) đối với trường hợp xuất mới sổ địa chính (điện tử).

4. Trường hợp đã thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai nhưng chưa đưa vào quản lý, vận hành thì tiến hành tích hợp dữ liệu vào hệ thống đang vận hành tại địa phương để quản lý, vận hành, khai thác sử dụng.

Tiểu mục 3. QUY TRÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THỰC HIỆN ĐỒNG BỘ VỚI LẬP, CHỈNH LÝ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH, ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Điều 22. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện lồng ghép từng bước công việc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn thi công; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan.

2. Chuẩn bị địa điểm và nhân lực thực hiện của từng bước công việc.

3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, kiểm nghiệm thiết bị đo đạc, phần mềm, tài liệu, bản đồ, mẫu Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận, mẫu Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận.

4. Xác định ranh giới hành chính cấp xã ngoài thực địa.

5. Tổ chức phổ biến, tuyên truyền chủ trương, chính sách về đo đạc, đăng ký, cấp mới hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu.

Điều 23. Thu thập tài liệu, dữ liệu

1. Thu thập tài liệu phục vụ công tác đo đạc:

Thu thập và sao (photocopy) các tài liệu có liên quan đến hiện trạng sử dụng đất của địa phương đang lưu trữ tại cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; bản sao các tài liệu có liên quan đến hiện trạng sử dụng đất của người sử dụng, người quản lý đất cung cấp tại địa bàn thi công (không cần công chứng, chứng thực).

2. Thu thập tài liệu phục vụ công tác đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính:

a) Tài liệu phục vụ công tác đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận gồm các tài liệu đã thu thập tại khoản 1 Điều này và thu thập bổ sung các tài liệu còn thiếu để phục vụ cho việc đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận;

b) Trường hợp không có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận, cấp đổi Giấy chứng nhận thì tiến hành thu thập bổ sung các tài liệu gồm: hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất được lưu trữ tại Văn phòng đăng ký đất đai.

Điều 24. Xây dựng dữ liệu không gian gắn với lập, chỉnh lý bản đồ địa chính

Việc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính thực hiện theo quy định hiện hành về quy định bản đồ địa chính. Trong quá trình lập, chỉnh lý bản đồ địa chính cần thực hiện lồng ghép các bước công việc kê khai đăng ký, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính, cụ thể như sau:

1. Khi biên tập, in bản đồ địa chính theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã thì thực hiện việc xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền và dữ liệu không gian địa chính theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện giao nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất cho người sử dụng đất, người được giao quản lý đất cần thực hiện lồng ghép việc cấp phát mẫu đơn và hướng dẫn kê khai, lập hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu, hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận, hồ sơ đăng ký biến động đất đai.

3. Khi giao nộp sản phẩm đo đạc phải đồng thời giao nộp sản phẩm dữ liệu không gian đất đai nền và dữ liệu không gian địa chính cho chủ đầu tư.

4. Dữ liệu không gian địa chính sau khi giao nộp được nhập vào hệ thống để sử dụng cho công tác đăng ký, cấp mới, cấp đổi Giấy chứng nhận.

Điều 25. Xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính gắn với đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất và cấp Giấy chứng nhận

Việc đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận được thực hiện theo quy định hiện hành. Trong quá trình đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận cần thực hiện lồng ghép các bước công việc về xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính, hoàn thiện dữ liệu không gian địa chính, cụ thể như sau:

1. Xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính được thực hiện đồng thời trong quá trình đăng ký, cấp mới, cấp đổi Giấy chứng nhận và nội dung phải đảm bảo theo quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đối với những trường hợp không có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận trong đợt này thì thực hiện xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính theo quy định tại Điều 13 của Thông tư này.

2. Việc quét tài liệu và xử lý tệp tin được thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này và được thực hiện trước khi trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất hoặc trước khi xuất sổ địa chính (điện tử).

3. Thực hiện việc chỉnh lý, hoàn thiện dữ liệu không gian địa chính nếu có thay đổi trong quá trình kê khai đăng ký, cấp Giấy chứng nhận.

Điều 26. Hoàn thiện dữ liệu địa chính

1. Thực hiện hoàn thiện 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu.
2. Thực hiện xuất sổ địa chính (điện tử) theo khuôn dạng tệp tin PDF.

Điều 27. Xây dựng siêu dữ liệu địa chính

1. Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) địa chính.
2. Nhập thông tin siêu dữ liệu địa chính theo đơn vị hành chính cấp xã.

Điều 28. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu địa chính

1. Đơn vị thi công có trách nhiệm:
 - a) Chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu;
 - b) Tổng hợp, xác định khối lượng sản phẩm đã thực hiện theo công đoạn công trình và kết thúc công trình;
 - c) Lập biên bản bàn giao theo Phụ lục số 06 kèm theo Thông tư này.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu có trách nhiệm:

- a) Thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu địa chính theo quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- b) Làm thủ tục xác nhận sản phẩm theo công đoạn công trình và kết thúc công trình.

Điều 29. Đối soát, tích hợp dữ liệu vào hệ thống

Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện:

1. Đối soát thông tin của thửa đất trong cơ sở dữ liệu với nguồn tài liệu, dữ liệu đã sử dụng để xây dựng cơ sở dữ liệu.

2. Rà soát, cập nhật bổ sung cơ sở dữ liệu đối với các trường hợp biến động sau thời điểm nghiệm thu sản phẩm cơ sở dữ liệu địa chính đến thời điểm triển khai tích hợp vào hệ thống.

3. Thực hiện ký số vào sổ địa chính điện tử.

4. Tích hợp dữ liệu vào hệ thống, xử lý những sai sót về thông tin thuộc tính địa chính trong quá trình tích hợp.

Mục 2. QUY TRÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ THỐNG KÊ, KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI

Điều 30. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai trên địa bàn thi công.

2. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

Điều 31. Thu thập tài liệu, dữ liệu

Tài liệu, dữ liệu được thu thập cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai gồm:

1. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các kỳ kiểm kê từ năm 2000, bản đồ kết quả điều tra kiểm kê đất đai của kỳ kiểm kê gần nhất.

2. Các báo cáo, biểu, bảng số liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ thời điểm năm 2000.

3. Dữ liệu, tài liệu kiểm kê theo chuyên đề (nếu có).

Điều 32. Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu

1. Rà soát, đánh giá mức độ đầy đủ về các thành phần, nội dung của tài liệu, dữ liệu; xác định được thời gian xây dựng, mức độ đầy đủ thông tin, tính pháp lý của từng tài liệu, dữ liệu để lựa chọn sử dụng cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

Kết quả rà soát phải phân loại được từng loại tài liệu, dữ liệu sử dụng để xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai và xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai theo quy định sau:

a) Tài liệu để xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai gồm: bản đồ kết quả điều tra kiểm kê đất đai, bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

b) Tài liệu để xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai gồm: báo cáo, bảng, biểu số liệu thống kê, kiểm kê đất đai (đối với cấp tỉnh, cấp huyện,

cấp xã) và bảng liệt kê danh sách các khoanh đất thống kê, kiểm kê đất đai (đối với cấp xã).

2. Tài liệu thống kê, kiểm kê đất đai phải được làm sạch, sắp xếp theo trình tự thời gian hình thành tài liệu, theo các kỳ thống kê, kiểm kê, theo đơn vị hành chính.

3. Lập báo cáo kết quả thực hiện tại khoản 1 Điều này và lựa chọn tài liệu, dữ liệu nguồn.

Điều 33. Xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai

1. Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai:

a) Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai với nội dung tương ứng trong bản đồ kết quả điều tra kiểm kê và lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai với nội dung tương ứng trong bản đồ hiện trạng sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ kết quả điều tra kiểm kê và bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

b) Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai chưa phù hợp với quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

c) Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kiểm kê đất đai theo quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian kiểm kê đất đai còn thiếu (nếu có).

2. Chuyển đổi và tích hợp dữ liệu không gian kiểm kê đất đai:

a) Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai từ tệp (File) bản đồ số của bản đồ kết quả điều tra kiểm kê và bản đồ hiện trạng sử dụng đất vào cơ sở dữ liệu theo đơn vị hành chính;

b) Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau. Trường hợp có mâu thuẫn cần xử lý đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan, kết quả xử lý các đối tượng còn mâu thuẫn được lập theo Phụ lục số 04 kèm theo Thông tư này.

Điều 34. Xây dựng tài liệu số về thống kê, kiểm kê đất đai

1. Tài liệu số về thống kê, kiểm kê đất đai là các tài liệu về thống kê, kiểm kê đất đai không có cấu trúc được chuyển đổi sang dạng số thành các tập tin pdf, tập tin ảnh để quản lý, khai thác, sử dụng.

2. Quét các giấy tờ đưa vào cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai. Chế độ quét của thiết bị được thiết lập theo hệ màu RGB với độ phân giải tối thiểu là 150 DPI. Các tài liệu quét bao gồm: các báo cáo, biểu, bảng số liệu là sản phẩm của công tác thống kê, kiểm kê đất đai các cấp theo quy định.

3. Xử lý các tệp tin quét hình thành tệp (File) hồ sơ quét tài liệu thống kê, kiểm kê đất đai dạng số, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF; chất lượng hình ảnh

số sắc nét và rõ ràng, các hình ảnh được sắp xếp theo cùng một hướng, hình ảnh phải được quét vuông góc, không được cong vênh.

4. Tạo danh mục tra cứu tài liệu số về thống kê, kiểm kê đất đai trong cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

Điều 35. Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai

1. Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số thì thực hiện như sau:

- a) Lập mô hình chuyển đổi cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai;
- b) Chuyển đổi vào cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

2. Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

3. Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu, báo cáo dạng giấy thì không xây dựng dữ liệu thuộc tính mà sử dụng danh mục tra cứu theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Thông tư này.

Điều 36. Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai

Đối soát và hoàn thiện chất lượng dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai của 100% khoanh đất, các báo cáo, bảng biểu số liệu với tài liệu thống kê, kiểm kê đất đai đã sử dụng để xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

Điều 37. Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai

1. Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) thống kê, kiểm kê đất đai.

2. Nhập thông tin siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

Điều 38. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát kiểm tra, nghiệm thu. Lập biên bản bàn giao cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai theo Phụ lục số 06 kèm theo Thông tư này.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai theo quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Thực hiện kiểm tra tổng thể cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng.

Mục 3. QUY TRÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 39. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có

liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thi công.

2. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 40. Thu thập tài liệu, dữ liệu

1. Tài liệu, dữ liệu được thu thập cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh gồm: Nghị quyết của Chính phủ; báo cáo thuyết minh tổng hợp; bản đồ hiện trạng sử dụng đất; bản đồ quy hoạch sử dụng đất và bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất; bản đồ kế hoạch sử dụng đất; bản đồ chuyên đề (nếu có).

2. Tài liệu, dữ liệu được thu thập cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện gồm: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; báo cáo thuyết minh tổng hợp; bản đồ hiện trạng sử dụng đất; bản đồ quy hoạch sử dụng đất và bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm đầu và hàng năm; bản đồ chuyên đề (nếu có).

Điều 41. Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu

1. Rà soát, đánh giá mức độ đầy đủ về các thành phần, nội dung của tài liệu, dữ liệu; xác định được thời gian xây dựng, mức độ đầy đủ thông tin, tính pháp lý của từng tài liệu, dữ liệu để lựa chọn sử dụng cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định sau:

Kết quả rà soát phải phân loại được từng loại tài liệu, dữ liệu sử dụng để xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

a) Phân loại, lựa chọn tài liệu để xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Tài liệu để xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gồm: bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất và bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, bản đồ kế hoạch sử dụng đất, bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm đầu và hàng năm, bản đồ chuyên đề (nếu có);

b) Phân loại, lựa chọn tài liệu để xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Tài liệu để xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gồm: Nghị quyết của Chính phủ, báo cáo thuyết minh tổng hợp, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được làm sạch và sắp xếp theo trình tự thời gian hình thành tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

3. Lập báo cáo kết quả thực hiện tại khoản 1 Điều này và lựa chọn tài liệu, dữ liệu nguồn.

Điều 42. Xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

a) Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với nội dung tương ứng trong bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng cần thiết từ nội dung bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

b) Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa phù hợp với quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

c) Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Chuyển đổi và tích hợp không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

a) Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của bản đồ vào cơ sở dữ liệu đất đai theo đơn vị hành chính;

b) Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau. Trường hợp có mâu thuẫn cần xử lý đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan, thống kê kết quả xử lý các đối tượng còn mâu thuẫn theo Phụ lục số 04 kèm theo Thông tư này.

Điều 43. Xây dựng tài liệu số về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Tài liệu số về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là các tài liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất không có cấu trúc được chuyển đổi sang dạng số thành các tập tin pdf, tập tin ảnh để quản lý, khai thác, sử dụng.

2. Quét các giấy tờ đưa vào cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Chế độ quét của thiết bị được thiết lập theo hệ màu RGB với độ phân giải tối thiểu là 150 DPI. Các tài liệu quét là sản phẩm dạng giấy của công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp bao gồm:

a) Nghị quyết phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và báo cáo về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kèm theo cấp tỉnh;

b) Quyết định phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và phụ lục về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kèm theo cấp huyện.

3. Xử lý tệp tin quét hình thành tệp (File) hồ sơ quét tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dạng số, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF; chất lượng hình ảnh số sắc nét và rõ ràng, các hình ảnh được sắp xếp theo cùng một hướng, hình ảnh phải được quét vuông góc, không được cong vênh.

4. Tạo danh mục tra cứu tài liệu số trong cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 44. Xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số thì thực hiện như sau:
 - a) Lập mô hình chuyển đổi cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
 - b) Chuyển đổi vào cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
2. Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
3. Nhập dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gồm:
 - a) Số nghị quyết của Chính phủ phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;
 - b) Số quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện;
 - c) Tên công trình, dự án sử dụng đất;
 - d) Mục đích sử dụng đất của công trình, dự án theo quy hoạch;
 - đ) Diện tích sử dụng đất của công trình, dự án;
 - e) Năm thực hiện công trình, dự án theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

Điều 45. Đối soát, hoàn thiện dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Đối soát và hoàn thiện chất lượng dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của 100% các vùng quy hoạch (công trình, dự án), các báo cáo, bảng biểu số liệu với tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 46. Xây dựng siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
2. Nhập thông tin siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 47. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát kiểm tra, nghiệm thu. Lập biên bản bàn giao cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo Phụ lục số 06 kèm theo Thông tư này.
2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Thực hiện kiểm tra tổng thể cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng.

Mục 4. QUY TRÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU GIÁ ĐẤT

Điều 48. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất trên địa bàn thi công.
2. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.
3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất.

Điều 49. Thu thập tài liệu, dữ liệu

1. Tài liệu, dữ liệu được thu thập cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất gồm:

- Dữ liệu về vùng giá trị;
- Dữ liệu về thửa đất chuẩn;
- Tài liệu về bảng giá đất: Quyết định ban hành bảng giá đất; Quyết định điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất;
- Tài liệu về quyết định giá đất: Quyết định hệ số điều chỉnh giá; giá cụ thể xác định khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất; tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; hợp đồng chuyển nhượng; phiếu điều tra khảo sát giá đất;
- Dữ liệu về giá thửa đất: là giá của thửa đất được xác định trong các trường hợp: giá cụ thể; giá đất trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; giá đất trúng đấu giá; giá đất thu thập thông qua điều tra khảo sát;
- Các tài liệu khác có liên quan đến giá đất.

2. Tài liệu, dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này là các tài liệu, dữ liệu được hình thành sau ngày 01 tháng 7 năm 2014.

Điều 50. Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu

1. Rà soát, đánh giá, phân loại:

a) Nội dung rà soát, đánh giá phải xác định được thời gian xây dựng, mức độ đầy đủ thông tin, tính pháp lý của từng tài liệu, dữ liệu để lựa chọn sử dụng cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất;

b) Phân loại, lựa chọn tài liệu để xây dựng dữ liệu giá đất gồm: Quyết định ban hành bảng giá đất; Quyết định điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất; Quyết định ban hành hệ số điều chỉnh giá đất; Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể; Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất; Phiếu thu thập thông tin về thửa đất; Phiếu chuyên thông tin nghĩa vụ tài chính của thửa đất; Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính của thửa đất.

2. Tài liệu giá đất phải được làm sạch, sắp xếp theo các nhóm dữ liệu giá đất, theo trình tự thời gian hình thành tài liệu, dữ liệu.

3. Lập báo cáo kết quả thực hiện tại khoản 1 Điều này.

Điều 51. Dữ liệu không gian giá đất

1. Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian giá đất:

b) Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian giá đất: lớp vùng giá trị; lớp thửa đất chuẩn;

c) Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian giá đất theo quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Chuyển đổi và tích hợp không gian giá đất:

a) Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian giá đất vào cơ sở dữ liệu đất đai theo đơn vị hành chính;

b) Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau.

Điều 52. Xây dựng tài liệu số về giá đất

1. Tài liệu số về giá đất là các tài liệu về giá đất không có cấu trúc được chuyển đổi sang dạng số thành các tập tin pdf, tập tin ảnh để quản lý, khai thác, sử dụng.

2. Quét các giấy tờ đưa vào cơ sở dữ liệu giá đất. Các tài liệu quét bao gồm các giấy tờ tài liệu lưu trữ kết quả Giá đất. Chế độ quét của thiết bị được thiết lập theo hệ màu RGB với độ phân giải tối thiểu là 150 DPI.

3. Các tài liệu quét bao gồm:

a) Quyết định ban hành bảng giá đất; Quyết định điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất; Quyết định ban hành hệ số điều chỉnh giá đất;

b) Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể; Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất; Phiếu thu thập thông tin về thửa đất.

4. Xử lý tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ tài liệu giá đất dạng số, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF; chất lượng hình ảnh sắc nét và rõ ràng, các hình ảnh được sắp xếp theo cùng một hướng, hình ảnh phải được quét vuông góc, không được cong vênh.

5. Tạo danh mục tra cứu hồ sơ quét trong cơ sở dữ liệu giá đất.

6. Tạo liên kết bộ tài liệu quét giá đất quy định tại điểm b khoản 3 Điều này với thửa đất trong cơ sở dữ liệu.

(Rà soát lại phù hợp giữa Thông tư 05 và TT nội dung CSDL đất đai)

Điều 53. Xây dựng dữ liệu thuộc tính giá đất

Nhập dữ liệu thuộc tính giá đất vào cơ sở dữ liệu giá đất gồm:

1. Dữ liệu giá đất theo bảng giá đất đối với địa phương đã ban hành bảng giá đất đến từng thửa đất.

2. Dữ liệu về quyết định giá đất;

3. Dữ liệu về giá thửa đất: dữ liệu về giá đất được xác định trong các trường hợp: giá cụ thể; giá đất trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; giá đất trúng đấu giá; giá đất thu thập thông qua điều tra khảo sát, phiếu thu thập thông tin về thửa đất.

5. Dữ liệu vị trí thửa đất, tên đường, phố hoặc tên đoạn đường, đoạn phố hoặc khu vực theo bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất (đối với thửa đất đã có Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai).

Điều 54. Đối soát, hoàn thiện dữ liệu giá đất

Đối soát và hoàn thiện chất lượng dữ liệu giá đất với các tài liệu giá đất đã sử dụng để xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất.

Điều 55. Xây dựng siêu dữ liệu giá đất

1. Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) giá đất.

2. Nhập thông tin siêu dữ liệu giá đất.

Điều 56. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu giá đất

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu. Lập biên bản bàn giao cơ sở dữ liệu giá đất theo Phụ lục số 06 kèm theo Thông tư này.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu giá đất theo quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Thực hiện kiểm tra tổng thể cơ sở dữ liệu giá đất và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng.

MỤC 5. QUY TRÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ, BẢO VỆ, CẢI TẠO, PHỤC HỒI ĐẤT

Điều 57. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

2. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

3. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

Điều 58. Thu thập tài liệu, dữ liệu

Thu thập các tài liệu, dữ liệu:

- Lốp dữ liệu khoanh đất điều tra; lốp dữ liệu về điểm điều tra, lấy mẫu; lốp dữ liệu về đặc điểm thổ nhưỡng;

- Lớp dữ liệu kết quả đánh giá chất lượng đất cấp tỉnh; lớp dữ liệu kết quả đánh giá tiềm năng đất đai cấp tỉnh; lớp dữ liệu kết quả đánh giá thoái hóa đất đai cấp tỉnh; lớp dữ liệu điểm điều tra ô nhiễm đất đai cấp tỉnh; lớp dữ liệu điểm điều tra, quan trắc tài nguyên đất cấp tỉnh; lớp dữ liệu phạm vi ảnh hưởng ô nhiễm đất đai cấp tỉnh;

- Lớp dữ liệu xử lý, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất; lớp dữ liệu khoanh vùng các khu vực đất bị ô nhiễm cần xử lý, cải tạo và phục hồi;

- Bộ số liệu điều tra về thông tin phiếu điều tra phẫu diện đất, thông tin phiếu điều tra tiềm năng đất, thông tin phiếu điều tra thoái hóa, thông tin phiếu điều tra ô nhiễm đất;

- Bộ số liệu, tài liệu về kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

Điều 59. Xây dựng dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1. Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất:

a) Tách, lọc các đối tượng từ nội dung các lớp dữ liệu;

b) Chuẩn hóa các lớp đối tượng các lớp dữ liệu;

c) Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất còn thiếu (nếu có);

d) Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

2. Chuyển đổi và tích hợp dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất:

a) Chuyển đổi các lớp dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất từ tệp (File) bản đồ số vào cơ sở dữ liệu đất đai;

b) Rà soát dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất để xử lý các lỗi dọc biên giữa các vùng kinh tế - xã hội.

Điều 60. Xây dựng dữ liệu thuộc tính điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1. Dữ liệu thuộc tính kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất bao gồm nhóm dữ liệu thông tin điều tra: thông tin phiếu điều tra phẫu diện đất, thông tin phiếu điều tra tiềm năng đất, thông tin phiếu điều tra thoái hóa, thông tin phiếu điều tra ô nhiễm đất và nhóm dữ liệu về kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

2. Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số thì thực hiện như sau:

a) Lập mô hình chuyển đổi cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất;

b) Chuyển đổi vào cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

2. Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

3. Nhập dữ liệu thuộc tính điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

Điều 61. Xây dựng tài liệu số về kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1. Tài liệu số về kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất là các tài liệu về kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất không có cấu trúc được chuyển đổi sang dạng số thành các tập tin pdf, tập tin ảnh để quản lý, khai thác, sử dụng.

2. Quét các giấy tờ của bộ số liệu, tài liệu về kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất đưa vào cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất. Chế độ quét của thiết bị được thiết lập theo hệ màu RGB với độ phân giải tối thiểu là 150 DPI.

3. Xử lý tập tin quét hình thành tập (File) hồ sơ quét tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất dạng số, lưu trữ dưới khuôn dạng tập tin PDF; chất lượng hình ảnh sắc nét và rõ ràng, các hình ảnh được sắp xếp theo cùng một hướng, hình ảnh phải được quét vuông góc, không được cong vênh.

4. Tạo danh mục tra cứu hồ sơ quét trong cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

5. Tạo liên kết giữa tài liệu số với các đối tượng không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

Điều 62. Đối soát, hoàn thiện dữ liệu và xây dựng siêu dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1. Thực hiện đối soát, hoàn thiện dữ liệu, tạo liên kết dữ liệu.

2. Thu nhận các thông tin cần thiết về các dữ liệu để xây dựng siêu dữ liệu.

3. Nhập thông tin siêu dữ liệu.

Điều 63. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu. Đóng gói giao nộp cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất theo quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương III

QUY TRÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI DO CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG TỔ CHỨC XÂY DỰNG

Mục 1. QUY TRÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ THỐNG KÊ, KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI

Điều 64. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

2. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

3. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

Điều 65. Thu thập tài liệu, dữ liệu

1. Tài liệu, dữ liệu báo cáo, biểu, bảng số liệu thống kê, kiểm kê đất đai các vùng và cả nước từ thời điểm năm 2000.

2. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các vùng và cả nước của kỳ kiểm kê gần nhất.

3. Bản đồ chuyên đề (nếu có).

4. Các tài liệu, dữ liệu và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan đến xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

Điều 66. Xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai

1. Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian hiện trạng sử dụng đất:

a) Tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

b) Chuẩn hóa các lớp đối tượng bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

c) Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian bản đồ hiện trạng sử dụng đất còn thiếu (nếu có);

d) Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian hiện trạng sử dụng đất.

2. Chuyển đổi và tích hợp dữ liệu không gian hiện trạng sử dụng đất:

a) Chuyển đổi các lớp dữ liệu không gian hiện trạng sử dụng đất từ tệp (File) bản đồ số vào cơ sở dữ liệu;

b) Rà soát dữ liệu không gian hiện trạng sử dụng đất để xử lý các lỗi dọc biên giữa các tỉnh, các vùng.

Điều 67. Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin

1. Quét các giấy tờ đưa vào cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai. Chế độ quét của thiết bị được thiết lập theo hệ màu RGB với độ phân giải tối thiểu là 150

DPI. Các tài liệu quét bao gồm: các báo cáo, biểu, bảng số liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp vùng và cả nước.

2. Xử lý các tệp tin quét hình thành tệp (File) hồ sơ quét tài liệu thống kê, kiểm kê đất đai dạng số, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF; chất lượng hình ảnh số phải sắc nét và rõ ràng, các hình ảnh được sắp xếp theo cùng một hướng, hình ảnh phải được quét vuông góc, không được cong vênh.

3. Tạo danh mục tra cứu hồ sơ quét trong cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

Điều 68. Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai

1. Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số thì thực hiện như sau:

- a) Lập mô hình chuyển đổi cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai;
- b) Chuyển đổi vào cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

2. Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

3. Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu, báo cáo dạng giấy thì không xây dựng dữ liệu thuộc tính mà sử dụng danh mục tra cứu theo quy định tại khoản 3 Điều 72 của Thông tư này.

Điều 69. Đối soát, hoàn thiện dữ liệu và xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai

1. Thực hiện đối soát, hoàn thiện dữ liệu, tạo liên kết dữ liệu.
2. Thu nhận các thông tin cần thiết về các dữ liệu để xây dựng siêu dữ liệu.
3. Nhập thông tin siêu dữ liệu.

Điều 70. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu. Đóng gói giao nộp cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai theo quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Mục 2. QUY TRÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 71. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

3. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

Điều 72. Thu thập tài liệu, dữ liệu

1. Tài liệu, dữ liệu về Nghị quyết của Quốc hội, báo cáo thuyết minh tổng hợp.

2. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất và bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, các vùng kinh tế - xã hội.

3. Bản đồ chuyên đề (nếu có).

4. Các tài liệu, dữ liệu và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan đến xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 73. Xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất:

a) Tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ quy hoạch sử dụng đất;

b) Chuẩn hóa các lớp đối tượng bản đồ quy hoạch sử dụng đất;

c) Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian bản đồ quy hoạch sử dụng đất còn thiếu (nếu có);

d) Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất.

2. Chuyển đổi và tích hợp dữ liệu không gian quy hoạch sử dụng đất:

a) Chuyển đổi các lớp dữ liệu không gian quy hoạch sử dụng đất từ tệp (File) bản đồ số vào cơ sở dữ liệu đất đai;

b) Rà soát dữ liệu không gian quy hoạch sử dụng đất để xử lý các lỗi dọc biên giữa các vùng kinh tế - xã hội.

Điều 74. Xây dựng tài liệu số về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Tài liệu số về kết quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là các tài liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất không có cấu trúc được chuyển đổi sang dạng số thành các tập tin pdf, tập tin ảnh để quản lý, khai thác, sử dụng.

2. Quét các giấy tờ đưa vào cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Chế độ quét của thiết bị được thiết lập theo hệ màu RGB với độ phân giải tối thiểu là 150 DPI. Các tài liệu quét là sản phẩm dạng giấy của công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gồm: Nghị quyết của Quốc hội, các báo cáo thuyết minh tổng hợp.

3. Xử lý tệp tin quét hình thành tệp (File) hồ sơ quét tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dạng số, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF; chất lượng hình ảnh số sắc nét và rõ ràng, các hình ảnh được sắp xếp theo cùng một hướng, hình ảnh phải được quét vuông góc, không được cong vênh.

4. Tạo danh mục tra cứu hồ sơ quét trong cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 75. Xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số thì thực hiện như sau:

- a) Lập mô hình chuyển đổi cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- b) Chuyển đổi vào cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 76. Đối soát, hoàn thiện dữ liệu và xây dựng siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Thực hiện đối soát, hoàn thiện dữ liệu, tạo liên kết dữ liệu.
2. Thu nhận các thông tin cần thiết về các dữ liệu để xây dựng siêu dữ liệu.
3. Nhập thông tin siêu dữ liệu.

Điều 77. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu. Đóng gói giao nộp cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Mục 3. QUY TRÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ, BẢO VỆ, CẢI TẠO, PHỤC HỒI ĐẤT**Điều 78. Công tác chuẩn bị**

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

2. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

3. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

Điều 79. Thu thập tài liệu, dữ liệu

Thu thập các tài liệu, dữ liệu:

- Lớp dữ liệu khoanh đất điều tra; lớp dữ liệu về điểm điều tra, lấy mẫu; lớp dữ liệu về đặc điểm thổ nhưỡng;

- Lớp dữ liệu kết quả đánh giá chất lượng đất cấp vùng, cả nước; Lớp dữ liệu kết quả đánh giá tiềm năng đất đai cấp vùng, cả nước; lớp dữ liệu kết quả đánh giá thoái hóa đất đai cấp vùng, cả nước; lớp dữ liệu điểm điều tra ô nhiễm đất đai cấp

vùng; lớp dữ liệu điểm điều tra, quan trắc tài nguyên đất cấp vùng và cả nước; lớp dữ liệu phạm vi ảnh hưởng ô nhiễm đất đai cấp vùng;

- Lớp dữ liệu khoanh vùng các khu vực đất bị ô nhiễm cần xử lý, cải tạo và phục hồi;

- Bộ số liệu điều tra về thông tin phiếu điều tra phẫu diện đất, thông tin phiếu điều tra tiềm năng đất, thông tin phiếu điều tra thoái hóa, thông tin phiếu điều tra ô nhiễm đất;

- Bộ số liệu, tài liệu về kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

Điều 80. Xây dựng dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1. Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất:

a) Tách, lọc các đối tượng từ nội dung các lớp dữ liệu;

b) Chuẩn hóa các lớp đối tượng các lớp dữ liệu;

c) Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất còn thiếu (nếu có);

d) Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

2. Chuyển đổi và tích hợp dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất:

a) Chuyển đổi các lớp dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất từ tệp (File) bản đồ số vào cơ sở dữ liệu đất đai;

b) Rà soát dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất để xử lý các lỗi dọc biên giữa các vùng kinh tế - xã hội.

Điều 81. Xây dựng dữ liệu thuộc tính điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1. Dữ liệu thuộc tính kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất bao gồm nhóm dữ liệu thông tin điều tra: thông tin phiếu điều tra phẫu diện đất, thông tin phiếu điều tra tiềm năng đất, thông tin phiếu điều tra thoái hóa, thông tin phiếu điều tra ô nhiễm đất và nhóm dữ liệu về kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

2. Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số thì thực hiện như sau:

a) Lập mô hình chuyển đổi cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất;

b) Chuyển đổi vào cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

2. Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

3. Nhập dữ liệu thuộc tính điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

Điều 82. Xây dựng tài liệu số về kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1. Tài liệu số về kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất là các tài liệu về kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất không có cấu trúc được chuyển đổi sang dạng số thành các tập tin pdf, tập tin ảnh để quản lý, khai thác, sử dụng.

2. Quét các giấy tờ của bộ số liệu, tài liệu về kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất đưa vào cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất. Chế độ quét của thiết bị được thiết lập theo hệ màu RGB với độ phân giải tối thiểu là 150 DPI.

2. Xử lý tệp tin quét hình thành tệp (File) hồ sơ quét tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất dạng số, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF; chất lượng hình ảnh số sắc nét và rõ ràng, các hình ảnh được sắp xếp theo cùng một hướng, hình ảnh phải được quét vuông góc, không được cong vênh.

4. Tạo danh mục tra cứu hồ sơ quét trong cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

5. Tạo liên kết giữa tài liệu số về kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất với các đối tượng không gian.

Điều 83. Đối soát, hoàn thiện dữ liệu và xây dựng siêu dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1. Thực hiện đối soát, hoàn thiện dữ liệu, tạo liên kết dữ liệu.

2. Thu nhận các thông tin cần thiết về các dữ liệu để xây dựng siêu dữ liệu.

3. Nhập thông tin siêu dữ liệu.

Điều 84. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu. Đóng gói giao nộp cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất theo quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Mục 5. QUY TRÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI

Tiểu mục 5.1. QUY TRÌNH XÂY DỰNG DỮ LIỆU HỒ SƠ ĐẤT ĐAI TẠI TRUNG ƯƠNG

Điều 85. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu đất đai lưu trữ tại trung ương

Tài liệu, dữ liệu đất đai đang được lưu trữ, quản lý tại trung ương sẽ được số hóa, đưa vào quản lý trong cơ sở dữ liệu. Các bước thực hiện đối với công việc xây dựng cơ sở dữ liệu hồ sơ đất đai tại trung ương như sau:

- Lập kế hoạch, tiếp nhận, vận chuyển tài liệu đến địa điểm thực hiện số hóa, vệ sinh tài liệu;
- Số hóa tài liệu;
- Ký, xác thực tài liệu bằng chữ ký số;
- Tạo lập, cập nhật dữ liệu đặc tả tài liệu số hóa;
- Cập nhật tài liệu số hóa vào cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ điện tử;
- Đóng gói, bàn giao, xếp tài liệu giấy lên giá theo vị trí lưu trữ ban đầu.

Tiểu mục 5.2. QUY TRÌNH XÂY DỰNG DỮ LIỆU ĐỊA CHỈ SỐ CỦA THỬA ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Điều 86. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết.
2. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.
3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất.

Điều 87. Thu thập tài liệu, dữ liệu

Tài liệu, dữ liệu được thu thập cho việc xây dựng dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất gồm:

- Dữ liệu không gian đất đai nền;
- Dữ liệu không gian địa chính;
- Dữ liệu thuộc tính địa chính;
- Dữ liệu nền địa lý quốc gia.

Điều 88. Xây dựng dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản trên đất

- Xác định vị trí địa lý của địa chỉ số thửa đất, tài sản trên đất từ dữ liệu không gian địa chính: tọa độ X, Y theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục địa phương.

- Xác định vị trí địa lý theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trung ương 105^0 , tọa độ kinh độ, vĩ độ trong hệ quy chiếu WGS-84 bằng các công thức chuyển đổi tọa độ theo quy định.

- Cập nhật thông tin thuộc tính của dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản trên đất:

+ Cập nhật thông tin Loại đối tượng, Đơn vị hành chính, Số tờ, Số thửa, từ Dữ liệu không gian địa chính;

+ Cập nhật thông tin Tên đối tượng liên quan từ Dữ liệu thuộc tính địa chính;

+ Cập nhật thông tin về Tên hoặc dấu hiệu nhận biết đối tượng dựa trên Dữ liệu không gian địa chính, Dữ liệu nền địa lý quốc gia.

Điều 89. Cập nhật thông tin về địa chỉ hành chính của thửa đất, tài sản trên đất

Cập nhật thông tin về địa chỉ hành chính của thửa đất, tài sản trên đất dựa trên thông tin địa chỉ của thửa đất, nhà ở theo quy định hiện hành của Bộ Xây Dựng và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Điều 90. Kiểm tra, nghiệm thu dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản trên đất

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu. Đóng gói giao nộp dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản trên đất.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản trên đất theo quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tiểu mục 5.3. QUY TRÌNH XÂY DỰNG DỮ LIỆU THÔNG TIN KẾT QUẢ ĐO ĐẠC LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Điều 91. Công tác chuẩn bị

1. Nguồn dữ liệu thông tin đo đạc, lập bản đồ địa chính là các loại dữ liệu được giao nộp về Bộ tài Nguyên và Môi trường là sản phẩm của công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính trên toàn quốc từ năm 2014 đến nay theo quy định.

2. Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng dữ liệu thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính.

3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng dữ liệu thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính.

4. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

Điều 92. Thu thập tài liệu, dữ liệu

Thu thập các tài liệu, dữ liệu sau:

- a) Dữ liệu ranh giới đo đạc lập bản đồ địa chính;
- b) Dữ liệu phân mảnh bản đồ địa chính;
- c) Dữ liệu kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính: dữ liệu điểm không chế đo vẽ, dữ liệu ranh giới khu đo, dữ liệu bản đồ địa chính số.

Điều 93. Xây dựng dữ liệu không gian thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính

1. Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính:

- a) Tách, lọc các đối tượng từ nội dung các lớp dữ liệu;
- b) Chuẩn hóa các lớp đối tượng các lớp dữ liệu;
- c) Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính còn thiếu (nếu có);
- d) Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính.

2. Chuyển đổi và tích hợp dữ liệu không gian thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính:

- a) Chuyển đổi các lớp dữ liệu không gian thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính từ tệp (File) bản đồ số vào cơ sở dữ liệu đất đai;

Điều 94. Xây dựng dữ liệu thuộc tính thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính

1. Dữ liệu thuộc tính thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính gồm: dữ liệu điểm không chế đo vẽ, dữ liệu ranh giới khu đo, dữ liệu bản đồ địa chính số.

2. Xây dựng dữ liệu thuộc tính thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính thực hiện như sau:

- a) Lập mô hình chuyên đổi cơ sở dữ liệu thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính;
- b) Chuyển đổi vào cơ sở dữ liệu đất đai.

3. Nhập dữ liệu thuộc tính thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính.

Điều 95. Đối soát, hoàn thiện dữ liệu và xây dựng siêu dữ liệu thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính

1. Thực hiện đối soát, hoàn thiện dữ liệu, tạo liên kết dữ liệu.
2. Thu nhận các thông tin cần thiết về các dữ liệu để xây dựng siêu dữ liệu.
3. Nhập thông tin siêu dữ liệu.

Điều 96. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu lưu trữ thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu. Đóng gói giao nộp cơ sở dữ liệu.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu theo quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tiểu mục 5.4. QUY TRÌNH XÂY DỰNG DỮ LIỆU TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ ĐƯỢC GIAO, THUÊ

ĐẤT TẠI VIỆT NAM; DỮ LIỆU VỀ GIẤY CHỨNG NHẬN BỊ THU HỒI, HUỖ, MẤT, SAI, HỎNG VÀ PHÔI GIẤY CHỨNG NHẬN; DỮ LIỆU VỀ CÁC TỔ CHỨC VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẤT ĐAI

Điều 97. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết.
2. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.
3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu.

Điều 98. Thu thập tài liệu, dữ liệu

Tài liệu, dữ liệu cần thu thập gồm:

- a) Giấy chứng nhận bị hỏng, tiêu hủy và bị thu hồi do các địa phương báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường từ năm 2015;
- b) Tài liệu, dữ liệu thông tin về Giấy chứng nhận sở hữu nhà ở; thông tin về Người nước ngoài, doanh nghiệp nước ngoài được thuê đất; doanh nghiệp có vốn nước ngoài được giao đất do địa phương báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường từ năm 2015.
- c) Tài liệu, dữ liệu về các tổ chức vi phạm pháp luật về đất đai do địa phương báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường từ năm 2015.

Điều 99. Xây dựng dữ liệu thuộc tính

1. Xây dựng dữ liệu thuộc tính về dữ liệu tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở và được giao, thuê đất tại Việt Nam; dữ liệu về giấy chứng nhận bị thu hồi, huỷ, mất, sai, hỏng và phôi giấy chứng nhận; dữ liệu về các tổ chức vi phạm pháp luật về đất đai thực hiện như sau:
 - a) Lập mô hình chuyển đổi cơ sở dữ liệu;
 - b) Chuyển đổi vào cơ sở dữ liệu đất đai.
2. Nhập dữ liệu thuộc tính thông tin về dữ liệu tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở và được giao, thuê đất tại Việt Nam; dữ liệu về giấy chứng nhận bị thu hồi, huỷ, mất, sai, hỏng và phôi giấy chứng nhận; dữ liệu về các tổ chức vi phạm pháp luật về đất đai.

Điều 100. Đối soát, hoàn thiện dữ liệu và xây dựng siêu dữ liệu

1. Thực hiện đối soát, hoàn thiện dữ liệu, tạo liên kết dữ liệu.
2. Thu nhận các thông tin cần thiết về các dữ liệu để xây dựng siêu dữ liệu.
3. Nhập thông tin siêu dữ liệu.

Điều 101. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu về dữ liệu tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở và được giao, thuê đất tại Việt Nam; dữ liệu về giấy chứng nhận bị thu hồi, huỷ, mất, sai, hỏng và phôi giấy chứng nhận; dữ liệu về các tổ chức vi phạm pháp luật về đất đai

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu. Đóng gói giao nộp cơ sở dữ liệu.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu theo quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương IV

CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

Điều 102. Cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính

1. Việc cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính được thực hiện thường xuyên ngay trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai như sau:

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện việc nhập thông tin và quét hồ sơ do người sử dụng đất, người quản lý đất nộp khi thực hiện thủ tục hành chính về đất đai và luân chuyển hồ sơ sổ qua hệ thống thông tin đất đai theo quy trình xử lý thủ tục hành chính;

b) Việc nhập thông tin vào cơ sở dữ liệu địa chính được cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thực hiện trên hệ thống thông tin đất đai thông qua phần mềm ứng dụng khi giải quyết thủ tục hành chính về đất đai.

2. Thông tin cập nhật phải đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất đồng thời trên các khối dữ liệu gồm: dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính, dữ liệu hồ sơ quét, dữ liệu hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính theo quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được thiết lập trên hệ thống.

Điều 103. Cập nhật cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai

1. Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai được cập nhật theo các kỳ thống kê, kiểm kê sau khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, công bố.

2. Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai thực hiện việc cập nhật dữ liệu vào hệ thống đối với cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai do cơ quan Trung ương xây dựng.

3. Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc cập nhật dữ liệu vào hệ thống đối với cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai do tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng.

Điều 104. Cập nhật cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cập nhật theo kết quả điều chỉnh trong kỳ hoặc kết quả lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của kỳ tiếp theo sau khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai thực hiện việc cập nhật dữ liệu vào hệ thống đối với cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất do cơ quan Trung ương xây dựng.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc cập nhật dữ liệu vào hệ thống đối với cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất do tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng.

Điều 105. Cập nhật cơ sở dữ liệu giá đất

1. Cơ sở dữ liệu giá đất được cập nhật trên cơ sở kết quả xây dựng, điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất; định giá đất cụ thể; trúng đấu giá quyền sử dụng đất; Phiếu thu thập thông tin về thửa đất; Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc cập nhật dữ liệu vào hệ thống đối với cơ sở dữ liệu giá đất.

Điều 106. Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Khi thực hiện việc sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thì hồ sơ địa chính được thực hiện chỉnh lý theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hồ sơ địa chính.

Cơ sở dữ liệu địa chính được cập nhật theo bộ hồ sơ địa chính đã được chỉnh lý. Việc cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính thực hiện theo các bước sau:

1. Cập nhật dữ liệu không gian địa chính

Cập nhật dữ liệu không gian địa chính theo bản đồ địa chính đã được chỉnh lý sau khi sắp xếp lại đơn vị hành chính.

2. Cập nhật dữ liệu thuộc tính địa chính

Cập nhật địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất, địa chỉ của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có thay đổi.

3. Cập nhật thông tin về Giấy chứng nhận có thay đổi.

4. Xây dựng siêu dữ liệu địa chính.

5. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu địa chính.

6. Đối soát, tích hợp dữ liệu vào hệ thống

Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện:

a) Đối soát thông tin của thửa đất trong cơ sở dữ liệu với nguồn tài liệu, dữ liệu đã sử dụng để cập nhật cơ sở dữ liệu.

b) Thực hiện ký số vào sổ địa chính điện tử.

c) Tích hợp dữ liệu vào hệ thống, xử lý những sai sót về thông tin thuộc tính địa chính trong quá trình tích hợp.

Điều 107. Bổ sung, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai đã được xây dựng theo quy định của Thông tư số 75/2015/TT-BTNMT

Đối với các cơ sở dữ liệu đất đai đã được xây dựng theo quy định của Thông tư số 75/2015/TT-BTNMT, cơ sở dữ liệu đất đai được bổ sung, cập nhật như sau:

- a) Rà soát, bổ sung dữ liệu không gian.
- b) Rà soát, bổ sung dữ liệu thuộc tính.
- c) Rà soát, bổ sung hồ sơ đăng ký đất đai số, quét bổ sung giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin. Nội dung hồ sơ pháp lý cần quét bổ sung tuân thủ Điều 10 của Thông tư này.
- d) Đối với các thửa đất chưa có số địa chính điện tử hoặc thông tin có thay đổi thì xuất sổ địa chính điện tử và ký số.
- đ) Cập nhật siêu dữ liệu đối với các thông tin dữ liệu có thay đổi.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 108. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2024.
2. Thông tư này thay thế Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT ngày 25/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 109. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ, dự án về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đã được phê duyệt thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa hoàn thành thì thực hiện như sau:

- a) Các nhiệm vụ, dự án có nội dung thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc phương án nhiệm vụ chưa phù hợp với quy định tại Thông tư này và chưa được triển khai thực hiện thì chủ đầu tư có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc phương án nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư này để tổ chức thực hiện;
- b) Các nhiệm vụ, dự án đang triển khai và đã được nghiệm thu cấp đơn vị thi công thì tiếp tục thực hiện theo thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc phương án nhiệm vụ đã được phê duyệt; chủ đầu tư có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc phương án nhiệm vụ cho phù hợp với quy định tại Thông tư này để tổ chức thực hiện;
- c) Các nhiệm vụ, dự án đang triển khai nhưng chưa được nghiệm thu cấp đơn vị thi công thì chủ đầu tư có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc phương án nhiệm vụ cho phù hợp với quy định tại Thông tư này để tiếp tục thực hiện.

Điều 110. Lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai

1. Thiết kế kỹ thuật - Dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai được lập theo quy định tại Thông tư này và quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý dự án, công trình trong lĩnh vực quản lý đất đai.

2. Sau khi Thiết kế kỹ thuật - Dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phải nộp Quyết định phê duyệt kèm theo Thiết kế kỹ thuật - Dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (bản số) về Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai để kiểm tra, theo dõi.

3. Bộ cục, nội dung của Thiết kế kỹ thuật - Dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai theo Phụ lục số 07 kèm theo Thông tư này.

Điều 111. Trách nhiệm thực hiện

1. Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phổ biến và chỉ đạo thực hiện Thông tư này.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ, Công TTĐT Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục ĐKDLTTĐĐ.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Minh Ngân

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông tư số ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)

- Phụ lục số 01 Biểu tổng hợp tài liệu thu thập;
Phụ lục số 02 Bảng thống kê phân loại thửa đất;
Phụ lục số 03 Bảng thống kê thửa đất chỉnh lý biến động - tiếp biên khu đo khác tỷ lệ;
Phụ lục số 04 Bảng kết quả xử lý biên các đối tượng còn mâu thuẫn;
Phụ lục số 05 Bảng danh mục nguồn tài liệu ưu tiên xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính;
Phụ lục số 06 Biên bản bàn giao dữ liệu đất đai;
Phụ lục số 07 Thiết kế kỹ thuật - Dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

PHỤ LỤC SỐ 01
BIỂU TỔNG HỢP TÀI LIỆU THU THẬP

STT	Loại tài liệu	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1	Tài liệu, số liệu đo đạc bản đồ địa chính			
1.1			
1.2			
2	Tài liệu, số liệu đăng ký, cấp Giấy chứng nhận			
2.1			
2.2			
3	Tài liệu, số liệu thống kê, kiểm kê đất đai			
3.1			
3.2			
4	Tài liệu, số liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai			
4.1			
4.2			
5	Tài liệu, số liệu giá đất			
5.1			
5.2			
6	Tài liệu, số liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất			
6.1			
6.2			

PHỤ LỤC SỐ 02
BẢNG THỐNG KÊ PHÂN LOẠI THỬA ĐẤT

Xã huyện tỉnh

(Kèm theo Thông tư số/2024/TT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)

STT	Loại thửa đất	Số lượng	Ghi chú
I	Thửa đất loại A		
II	Thửa đất loại B		
III	Thửa đất loại C		
IV	Thửa đất loại D		
V	Thửa đất loại E		

Đơn vị kiểm tra

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Ghi chú:

1. Thửa đất loại A là thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận chưa có tài sản gắn liền với đất;
2. Thửa đất loại B là thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận có tài sản gắn liền với đất;
3. Thửa đất loại C là thửa đất được cấp chung một Giấy chứng nhận;
4. Thửa đất loại D là căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại trong nhà chung cư, nhà hỗn hợp đã được cấp Giấy chứng nhận;
5. Thửa đất loại E là thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận hoặc không được cấp Giấy chứng nhận.

Ngày tháng năm

Đơn vị thi công

(Ký, đóng dấu, họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 03
BẢNG THỐNG KÊ THỪA ĐẤT CHÍNH LÝ BIẾN ĐỘNG - TIẾP BIÊN
KHU ĐO KHÁC TỶ LỆ

Xã huyện tỉnh

(Kèm theo Thông tư số/2024/TT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)

STT	Số thửa	Số tờ bản đồ	Loại đất	Diện tích theo dữ liệu không gian	Diện tích (m ²)			Ghi chú
					Theo GCN	Tăng	Giảm	
1								
2								
3								

Đơn vị kiểm tra

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Ghi chú:

1. Biểu thống kê được tổng hợp và gửi cho Văn phòng đăng ký đất đai để phục vụ cho việc theo dõi tình hình sử dụng đất khi có biến động đất đai;
2. Đối với các thửa đất được thống kê tại biểu trên cần tiến hành kiểm tra theo quy định khi có biến động đất đai;
3. Việc tăng, giảm diện tích phải được ghi chú rõ tăng, giảm và các thửa liên kề bị ảnh hưởng.

Ngày tháng năm

Đơn vị thi công

(Ký, đóng dấu, họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 04
BẢNG KẾT QUẢ XỬ LÝ BIÊN CÁC ĐỐI TƯỢNG CÒN MÂU THUÃN

Xã..... huyện tỉnh

(Kèm theo Thông tư số/2024/TT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)

STT	Số tờ	Số thửa/số thứ tự khoanh	Loại tài liệu		Đơn vị liên kê				Ghi chú
			Loại bản đồ	Tỷ lệ	Tên xã	Tên huyện	Nguồn tài liệu		
							Loại bản đồ	Tỷ lệ	
1	Kiểm kê	Khoanh đất số	Bản đồ kết quả điều tra kiểm kê	1:10.000	Xã B	Huyện AA	Bản đồ kết quả điều tra kiểm kê	1:10.000	
2	45	56	Bản đồ địa chính	1:2000	Xã D	Huyện DD	Bản đồ địa chính	1:1000	
...					...				

Đơn vị kiểm tra

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Ghi chú:

1. Biểu thống kê được tổng hợp và gửi cho Văn phòng đăng ký đất đai để phục vụ cho việc theo dõi tình hình sử dụng đất khi có biến động đất đai;
2. Nội dung ghi chú cần nêu rõ các vấn đề tồn tại và cách xử lý đồng thời thông báo cho Ủy ban nhân dân các xã có liên quan.

Ngày tháng năm

Đơn vị thi công

(Ký, đóng dấu, họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 05
BẢNG DANH MỤC NGUỒN TÀI LIỆU ƯU TIÊN XÂY DỰNG DỮ LIỆU
THUỘC TÍNH ĐỊA CHÍNH

(Kèm theo Thông tư số/2024/TT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)

STT	Danh mục thông tin đối tượng	Thứ tự ưu tiên lựa chọn thông tin			Ghi chú
		1	2	3	
I	Nhóm thông tin thửa đất				
Thông tin thửa	Số tờ bản đồ	Giấy chứng nhận	Hồ sơ đăng ký	Sổ mục kê	
	Số thửa đất				
	Diện tích thửa đo đạc				
	Diện tích pháp lý				
	Tài liệu đo đạc				
Địa chỉ thửa đất	Địa chỉ chi tiết	Giấy chứng nhận	Hồ sơ đăng ký	Sổ mục kê	
	Đường phố				
	Tổ dân phố				Là tên tổ dân phố (nếu có); đối với nông thôn là tên: thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc.
II	Nhóm Thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất				
	Mã đối tượng sử dụng đất, đối tượng sở hữu tài sản gắn liền với đất, đối tượng được Nhà nước giao quản lý đất	Sổ mục kê			
Cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công	Tên	Giấy chứng nhận	Hồ sơ đăng ký		
	Năm sinh				
	Giới tính				
	Giấy tờ nhân thân				
	Mã số thuế	Phiếu			Là mã số thuế để

dân Việt Nam, hộ gia đình, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài		chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính về đất			kết nối sang cơ sở dữ liệu của ngành thuế
	Quốc tịch	Giấy chứng nhận	Hồ sơ đăng ký		Cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài
	Ngày cấp				
	Nơi cấp				
Địa chỉ thường trú					
Tổ chức trong nước	Tên	Giấy chứng nhận	Hồ sơ đăng ký		
	Tên giấy tờ				
	Số				
	Ngày ký				
	Cơ quan ký văn bản				
Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Tên tổ chức kinh tế	Giấy chứng nhận	Hồ sơ đăng ký		Tên tổ chức kinh tế là pháp nhân thực hiện dự án đầu tư
	Tên giấy tờ				
	Số				
	Ngày ký				
	Cơ quan ký giấy tờ pháp nhân				
	Địa chỉ			Địa chỉ trụ sở chính của tổ chức tại Việt Nam.	
Tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Tên tổ chức	Giấy chứng nhận	Hồ sơ đăng ký		
	Địa chỉ			Địa chỉ trụ sở chính của tổ chức tại Việt Nam.	
Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Tên của cơ sở tôn giáo	Giấy chứng nhận	Hồ sơ đăng ký		
	Địa chỉ			Địa chỉ nơi có cơ sở tôn giáo.	
Cộng đồng dân cư	Tên của cộng đồng dân cư	Giấy chứng	Hồ sơ đăng ký		

	Địa chỉ	nhận			Địa chỉ nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư.
III	Nhóm dữ liệu về quyền sử dụng đất, quyền quản lý đất				
	Hình thức sử dụng đất riêng, chung	Giấy chứng nhận	Hồ sơ đăng ký	Sổ mục kê	
	Loại đất				
	Thời hạn sử dụng đất				
	Nguồn gốc sử dụng đất				
	Nghĩa vụ tài chính				
	Hạn chế quyền sử dụng đất				
	Quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề				
IV	Nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất				
Nhà ở	Loại nhà	Giấy chứng nhận	Hồ sơ đăng ký		
	Diện tích xây dựng				
	Diện tích sàn				
	Số tầng				
	Kết cấu nhà ở				
	Cấp hạng				
	Thời hạn sở hữu				
	Số thứ tự nhà ở	Hồ sơ đăng ký			Nếu trong một thửa đất có hơn 01 căn nhà thì phải đánh số thứ tự và mô tả chi tiết từng căn nhà
Công trình xây dựng	Tên công trình xây dựng	Giấy chứng nhận	Hồ sơ đăng ký		
	Tên hạng mục công trình				
	Diện tích xây dựng				
	Diện tích sàn (hoặc công suất)				
	Số tầng				
	Kết cấu				

	Năm hoàn thành				
	Thời hạn sở hữu công trình				
Rừng sản xuất là rừng trồng	Loại cây rừng	Giấy chứng nhận	Hồ sơ đăng ký		
	Diện tích có rừng				
	Nguồn gốc tạo lập				
	Hình thức sở hữu				
	Thời hạn sở hữu				
Cây lâu năm	Loại cây trồng	Giấy chứng nhận	Hồ sơ đăng ký		
	Diện tích				
	Hình thức sở hữu				
	Thời hạn sở hữu				
Căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại trong nhà chung cư, nhà hỗn hợp	Tên tài sản	Giấy chứng nhận	Hồ sơ đăng ký		Các hạng mục công trình khác trong khu chung cư thì nhập theo từng hạng mục công trình
	Thuộc nhà chung cư				Thể hiện tên của nhà chung cư, nhà hỗn hợp và địa chỉ (số nhà, tên đường phố (nếu có); và tên đơn vị hành chính các cấp xã, huyện, tỉnh) nơi có nhà chung cư, nhà hỗn hợp...
	Số hiệu căn hộ				
	Số tầng				
	Diện tích sàn căn hộ				
	Thời hạn sở hữu				
	Hạng mục sở hữu chung ngoài căn hộ				
V	Thông tin về tình trạng pháp lý				
Thông tin về tình hình đăng ký	Thời điểm nhận hồ sơ đăng ký	Hồ sơ đăng ký			
	Thời điểm đăng ký vào sổ địa chính	Sổ địa chính			

	Số thứ tự của hồ sơ thủ tục đăng ký	Hồ sơ đăng ký			
Thông tin Giấy chứng nhận	Số phát hành (số seri của Giấy chứng nhận)	Giấy chứng nhận	Số địa chính		
	Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận				
	Ngày cấp				
	Số mã vạch				
	Thông tin về tình trạng cấp Giấy chứng nhận	Hồ sơ đăng ký			Theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 18 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT
Thông tin giấy tờ pháp lý về nguồn gốc và sự thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Tên loại giấy tờ pháp lý	Hồ sơ đăng ký			Trường hợp không có giấy tờ pháp lý về nguồn gốc sử dụng đất thì thể hiện “không có giấy tờ pháp lý về nguồn gốc” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 18 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT
	Số, ký hiệu				
	Ngày ký				
	Tên cơ quan ký			Đối với giấy tờ do cơ quan nhà nước cấp hoặc một trong các bên liên quan là cơ quan nhà nước ký	
VI	Sự thay đổi trong quá trình sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất				
	Thời điểm đăng ký biến	Giấy	Hồ sơ		

	động	chứng	đăng ký		
	Nội dung biên động	nhận			
	Mã hồ sơ thủ tục đăng ký	Hồ sơ đăng ký			

Địa chỉ:

Điện thoại:

II. NỘI DUNG CÁC HẠNG MỤC BÀN GIAO

1. Tài liệu, dữ liệu bàn giao:

- Cơ sở dữ liệu đất đai đã được đối soát, kiểm tra và tích hợp vào hệ thống, đang khai thác vận hành tại địa phương, gồm:

+ *Dữ liệu không gian đất đai nền của... [tên đơn vị hành chính];*

+ *Cơ sở dữ liệu địa chính của... [tên đơn vị hành chính];*

+ *Cơ sở dữ liệu thông kê đất đai của... [tên đơn vị hành chính];*

+ *Cơ sở dữ liệu kiểm kê đất đai của... [tên đơn vị hành chính];*

+ *Cơ sở dữ liệu kế hoạch sử dụng đất của... [tên đơn vị hành chính];*

+ *Cơ sở dữ liệu quy hoạch sử dụng đất của... [tên đơn vị hành chính];*

+ *Cơ sở dữ liệu giá đất của... [tên đơn vị hành chính].*

+ *Cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất của... [tên đơn vị hành chính].*

- Các tài liệu, dữ liệu khác (nếu có).

2. Số lượng bàn giao cụ thể

2.1. Dữ liệu không gian đất đai nền

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
1	Xã A	<i>Dữ liệu không gian đất đai nền</i>	<i>Bộ dữ liệu</i>	1	GML	
2	Xã...	

2.2. Dữ liệu địa chính

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
1	Xã A	<i>Dữ liệu không gian địa chính</i>	<i>Thửa</i>	90	GML	
		<i>Dữ liệu thuộc tính địa chính</i>	<i>Thửa đất loại A</i>	50	XML	
			<i>Thửa đất loại B</i>	10		
			<i>Thửa đất</i>	25		

			<i>loại C</i>			
			<i>Thửa đất loại D</i>	0		
			<i>Thửa đất loại E</i>	5		
		<i>Dữ liệu hồ sơ quét</i>	<i>Hồ sơ</i>	80	<i>PDF</i>	
		<i>Số địa chính (điện tử)</i>	<i>Thửa</i>	90	<i>PDF</i>	
			<i>Căn hộ</i>	0		
<i>Siêu dữ liệu địa chính</i>	<i>Bộ dữ liệu</i>	1	<i>XML</i>			
2	<i>Xã...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>

2.3. Dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai

a) Dữ liệu kiểm kê đất đai

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
1	<i>Xã A/ Huyện A/ Tỉnh A</i>	<i>Dữ liệu không gian kiểm kê đất đai</i>	<i>Bộ dữ liệu</i>	1	<i>GML</i>	
		<i>Dữ liệu thuộc tính kiểm kê đất đai</i>	<i>Bộ dữ liệu</i>	1	<i>XML</i>	
		<i>Dữ liệu hồ sơ quét</i>	<i>Trang A3</i>	20	<i>PDF</i>	
			<i>Trang A4</i>	60		
		<i>Siêu dữ liệu kiểm kê đất đai</i>	<i>Bộ dữ liệu</i>	1	<i>XML</i>	
2	<i>Xã.../ Huyện.../ Tỉnh...</i>					

Ghi chú: Sản phẩm được bàn giao theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã hoặc cấp huyện hoặc cấp tỉnh.

b) Dữ liệu thống kê đất đai

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
1	<i>Xã A/ Huyện A/ Tỉnh A</i>	<i>Dữ liệu thuộc tính thống kê đất đai</i>	<i>Bộ dữ liệu</i>	1	<i>XML</i>	
		<i>Dữ liệu hồ sơ quét</i>	<i>Trang A3</i>	20	<i>PDF</i>	

			<i>Trang A4</i>	<i>60</i>		
		<i>Siêu dữ liệu thống kê đất đai</i>	<i>Bộ dữ liệu</i>	<i>1</i>	<i>XML</i>	
<i>2</i>	<i>Xã.../ Huyện.../ Tỉnh...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	

Ghi chú: Sản phẩm được bàn giao theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã hoặc cấp huyện hoặc cấp tỉnh.

2.4. Dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

a) Dữ liệu quy hoạch sử dụng đất

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
<i>1</i>	<i>Huyện A/ Tỉnh A</i>	<i>Dữ liệu không gian quy hoạch sử dụng đất</i>	<i>Bộ dữ liệu</i>	<i>1</i>	<i>GML</i>	
		<i>Dữ liệu thuộc tỉnh quy hoạch sử dụng đất</i>	<i>Bộ dữ liệu</i>	<i>1</i>	<i>XML</i>	
		<i>Dữ liệu hồ sơ quét</i>	<i>Trang A3</i>	<i>20</i>	<i>PDF</i>	
			<i>Trang A4</i>	<i>60</i>		
		<i>Siêu dữ liệu quy hoạch sử dụng đất</i>	<i>Bộ dữ liệu</i>	<i>1</i>	<i>XML</i>	
<i>2</i>	<i>Huyện.../ Tỉnh...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	

Ghi chú: Sản phẩm được bàn giao theo phạm vi đơn vị hành chính cấp huyện hoặc cấp tỉnh.

b) Dữ liệu kế hoạch sử dụng đất

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
<i>1</i>	<i>Huyện A/ Tỉnh A</i>	<i>Dữ liệu không gian kế hoạch sử dụng đất</i>	<i>Bộ dữ liệu</i>	<i>1</i>	<i>GML</i>	
		<i>Dữ liệu thuộc tỉnh kế hoạch sử dụng đất</i>	<i>Bộ dữ liệu</i>	<i>1</i>	<i>XML</i>	
		<i>Dữ liệu hồ sơ</i>	<i>Trang A3</i>	<i>20</i>	<i>PDF</i>	

		<i>quét</i>	<i>Trang A4</i>	<i>60</i>		
		<i>Siêu dữ liệu kế hoạch sử dụng đất</i>	<i>Bộ dữ liệu</i>	<i>1</i>	<i>XML</i>	
<i>2</i>	<i>Huyện.../ Tỉnh...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	

Ghi chú: Sản phẩm được bàn giao theo phạm vi đơn vị hành chính cấp huyện hoặc cấp tỉnh.

2.5. Dữ liệu giá đất

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
<i>1</i>	<i>Xã A</i>	<i>Dữ liệu thuộc tính giá đất</i>	<i>Thửa đất có giá là giá theo bảng giá đất</i>	<i>200</i>	<i>XML</i>	
			<i>Thửa đất có giá là giá đất cụ thể</i>	<i>20</i>		
			<i>Thửa đất có giá là giá đất trúng đấu giá quyền sử dụng đất</i>	<i>10</i>		
			<i>Thửa đất có giá là giá đất chuyển nhượng trên thị trường</i>	<i>30</i>		
			<i>Thửa đất có phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai</i>	<i>20</i>		
		<i>Dữ liệu hồ sơ quét</i>	<i>Trang A4</i>	<i>20</i>	<i>PDF</i>	
		<i>Siêu dữ liệu giá đất</i>	<i>Bộ dữ liệu</i>	<i>1</i>	<i>XML</i>	
<i>2</i>	<i>Xã...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	

2.6. Dữ liệu cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
<i>1</i>	<i>Huyện A/ Tỉnh A</i>	<i>Dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục</i>	<i>Bộ dữ liệu</i>		<i>GML</i>	

		hồi đất			
		Dữ liệu thuộc tính điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	<i>Bộ dữ liệu</i>		<i>XML</i>
		Dữ liệu hồ sơ quét về kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	<i>Bộ dữ liệu</i>		<i>PDF</i>
2	<i>Huyện A/ Tỉnh A</i>
		Siêu dữ liệu về kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	<i>Bộ dữ liệu</i>	<i>1</i>	<i>XML</i>

3. Kết luận bàn giao

.....

Biên bản gồm có ... (...) trang, lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, 01 (một) bản giao cho chủ đầu tư, 01 (một) bản giao cho đơn vị giám sát, kiểm tra, 01 (một) bản giao cho Văn phòng đăng ký đất đai, 01 (một) bản lưu tại đơn vị thi công./.

(Mẫu này áp dụng cho bàn giao chính thức giữa đơn vị thi công và chủ đầu tư theo định kỳ, theo công đoạn công trình và kết thúc công trình.)

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ THI CÔNG**

**ĐẠI DIỆN
VĂN PHÒNG ĐĂNG
KÝ ĐẤT ĐAI/SỞ TÀI
NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG...**

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ GIÁM SÁT,
KIỂM TRA**

PHỤ LỤC SỐ 07

THIẾT KẾ KỸ THUẬT - DỰ TOÁN XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

(Kèm theo Thông tư số/2024/TT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai)

Mở đầu

Phần I: Thông tin khái quát

1. Sự cần thiết phải xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.
2. Cơ sở pháp lý.
3. Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ.
4. Đặc điểm tình hình tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng sử dụng đất của địa phương nơi thực hiện dự án, công trình xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

Phần II: Khảo sát và đánh giá hiện trạng

1. Hiện trạng quản lý đất đai tại địa phương.
2. Hiện trạng dữ liệu đầu vào và phân tích, đánh giá khả năng sử dụng.
 - 2.1. Tài liệu, dữ liệu, hồ sơ phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.
 - 2.2. Tài liệu bản đồ phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.
3. Tình hình biến động đất đai.
4. Hiện trạng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật, phần mềm và nguồn nhân lực.
 - 4.1. Đường truyền.
 - 4.2. Máy chủ.
 - 4.3. Trang thiết bị kỹ thuật phục vụ vận hành cơ sở dữ liệu.
 - 4.4. Phần mềm đang quản lý tại địa phương.
 - 4.5. Nguồn nhân lực.
5. Hiện trạng vận hành hệ thống thông tin đất đai tại địa phương (nếu có).

Phần III: Thiết kế và giải pháp kỹ thuật

1. Căn cứ pháp lý sử dụng trong thi công.
 - 1.1. Các văn bản quy phạm pháp luật.
 - 1.2. Các văn bản quy định về kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy chuẩn.

1.3. Nguyên tắc xử lý văn bản.

2. Nội dung và giải pháp thực hiện.

2.1. Phân tích, đánh giá và lựa chọn quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

2.2. Trình tự các bước xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

2.3. Mô hình hệ thống, phần mềm, trang thiết bị (nếu có).

3. Khối lượng công việc cụ thể.

4. Quản lý, vận hành và khai thác sử dụng hệ thống thông tin đất đai.

4.1. Quản lý hệ thống thông tin đất đai.

4.2. Vận hành hệ thống thông tin đất đai.

4.3. Khai thác sử dụng hệ thống thông tin đất đai.

(Phải được mô tả bằng các sơ đồ/mô hình và phân tích cụ thể phù hợp với Kiến trúc tổng thể hệ thống thông tin đất đai của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

5. Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin đất đai.

6. Đầu tư hạ tầng, trang thiết bị công nghệ đảm bảo vận hành hệ thống thông tin đất đai (nếu có).

7. Hướng dẫn, chuyển giao công nghệ phục vụ quản lý, vận hành và khai thác sử dụng hệ thống thông tin đất đai.

8. Kiểm tra, nghiệm thu và xác định khối lượng đã thực hiện.

(Căn cứ theo quy định về kiểm tra nghiệm thu của Bộ Tài nguyên và Môi trường, thiết kế kỹ thuật - dự toán cần nêu rõ quy trình kiểm tra nghiệm thu phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương. Trong đó, cần xác định rõ sản phẩm, đơn vị tính, số lượng theo Thông tư số/2024/TT-BTNMT, ví dụ:

- Dữ liệu không gian đất đai nền: Lớp điểm tọa độ, Lớp điểm độ cao, ...

- Dữ liệu không gian địa chính: Lớp thửa đất, Lớp tài sản gắn liền với đất,...

-...)

9. Tổ chức thi công và kế hoạch thực hiện.

Phần IV: Dự toán kinh phí

1. Cơ sở pháp lý lập dự toán.

2. Dự toán chi tiết.

Phần V: Kết luận, kiến nghị

Các phụ lục:

1. Báo cáo khảo sát có xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường;
2. Các phụ lục khác (nếu có).